TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DSST
Ngày 30-9-2021
" V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐĂK NÔNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Bào.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Phạm Thị Thơm.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLST-DS ngày 26/10/2020 về việc"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 17/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2021/QĐST-DS ngày 17/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 102/2021/QĐST-DS ngày 16/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2021/QĐST-DS ngày 16/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2021/QĐST-DS ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Viết tắt: Ngân hàng A). Trụ sở: Số 442, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đào Ngọc M - Chuyên viên xử lý nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, chi nhánh Đăk Lăk (Giấy ủy quyền số 1035/UQ-QLN.20 ngày 13/10/2020 của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A).

Địa chỉ: Số 152-154-156 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk - Có mặt tại phiên tòa.

-*Bị đơn*: Ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.

Cùng địa chỉ: Buôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 30/9/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khaivà các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A) trìnhbày:

Ngày 30/03/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) có cho ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.457.300319 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.457.300319. Mục đích cho vay là để ông P, bà T sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, bổ sung vốn kinh doanh nông sản lưu động; phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng; thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (30/3/2019) đến ngày 30/3/2020. Thời hạn cho vay12 tháng kể từ ngày 31/3/2019 đến ngày 30/3/2020.Lãi suất cho vay 9,50%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn và lãi phạt chậm trả 10%/năm. Quá trình vay tiền ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL.BĐCN.466.030417 ngày 04/4/2017, bao gồm các tài sản: Thửa đất số 68,102, diện tích 14139,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ: xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952245 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.Thửa đất số 6, diện tích 250,0m^2 tờ bản đồ 57, địa chỉ: xã Đ, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 936703 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T. Thửa đất số 72, 80, diện tích 33340,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ: xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952246 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T. Thửa đất số 144, tờ bản đồ 67, diện tích 17.518m^2 địa chỉ: xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BX 927857 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 31/8/2015 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T. Giá trị tài sản thế chấp 1.582.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi hai triệu đồng), ngoài ra tài sản thế chấp còn bao gồm vật phụ, hoa lợi, lợi tức, tài sản khác hình thành hoặc phát sinh từ các tài sản thế chấp trên.

Ngân hàng A đã giải ngân cho ông P, bà T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào ngày 30/3/2019, phương thức giải ngân chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán số 188576819 của ông Phạm Văn P tại A. Quá trình vay tiền ông P, bà T đã trả được cho Ngân hàng A số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên đến hạn trả nợ ông P, bà T không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩ vụ trả nợ. Đại diện Ngân hàng nhiều lần đến nhà tìm và yêu cầu ông P, bà T trả nợ nhưng ông P, bà T không có mặt ở nhà nên Ngân hàng không thực hiện được việc thu hồi nợ đúng hạn. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T liên đới trả cho Ngân hàng A số nợ tính đến ngày 30/9/2021 là 1.245.671.755 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 970.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 25.846.575 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn 154.992.329 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu

chín trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) và phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ 94.832.850 đồng (Chín mươi bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn tám trăm năm mươi đồng). Ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh tính từ ngày xét xử 30/9/2021 cho đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Nếu ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bao gồm: Thửa đất số 68,102, diện tích 14.139,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952245 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T. Thửa đất số 06, diện tích 250,0m^2 tờ bản đồ 57, địa chỉ xã Đ, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 936703 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.Thửa đất số 72, 80, diện tích 33.340,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952246 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.Thửa đất số 144, tờ bản đồ 67, diện tích 17.518m^2 địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BX 927857 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 31/8/2015 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi phạt chậm trả lãi từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/9/2021 là 12.818.846 đồng (Mười hai triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng). Do đó tổng số tiền Ngân hàng A yêu cầu ông P, bà T còn phải trả là 1.232.852.908 đồng; trong đó trong đó nợ gốc 970.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 25.846.575 đồng; nợ lãi quá hạn 232.488.493 đồng và phạt chậm trả lãi trong hạn 4.517.840 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 12.818.846 đồng lãi phạt chậm trả lãi quá hạn từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/9/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ bị đơn và các thủ tục tố tụng khác đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơnông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông P, bà T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần

không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) tổng số tiềngốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 1.232.852.908 đồng; trong đó trong đó nợ gốc 970.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 25.846.575 đồng; nợ lãi quá hạn 232.488.493 đồng và phạt chậm trả lãi 4.517.840 đồng, đồng thời ông P, bà T phải tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng A. Nếu ông P, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 12.818.846 đồnglà phạt chậm trả lãi từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/9/2021. Ngoài ra ông P, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại Buôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tài sản thế chấp là bất động sản cũng tọa lạc tại huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ mở phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông P, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia xem xét thẩm định tại chỗ; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông P, bà T không chấp hành, vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử. HĐXX quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 30/9/2021 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, HĐXX căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng cấp tín dụng số DAL.CN.457.300319 và Khế ước nhận nợ số DAL.CN.457.300319, giải ngân ngày 30/3/2019 giữa Ngân hàng A với ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T để vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 31/3/2019 đến ngày 30/3/2020; lãi suất cho vay 9,50%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn và lãi phạt chậm trả 10%/năm;mục đích vay để sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, bổ sung vốn kinh doanh nông sản lưu động.Từ khi vay đến nay ông P, bà T mới trả cho Ngân

hàng A số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), chưa trả được số tiền lãi nào, như vậy ông P, bà T đã vi phạm hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Tính đến ngày 30/9/2021, ông P, bà T còn nợ Ngân hàng Atổng số tiềngốc và lãi là 1.245.671.755 đồng; trong đó nợ gốc 970.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 25.846.575 đồng; nợ lãi quá hạn 154.992.329 đồng và phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ 94.832.850 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A rút phần phạt chậm trả lãi quá hạn từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/9/2021 là 12.818.846 đồng. Do đó tổng số tiền Ngân hàng A yêu cầu ông P, bà T còn phải trả là 1.232.852.908 đồng; trong đó trong đó nợ gốc 970.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 25.846.575 đồng, nợ lãi quá hạn 232.488.493 đồng và phạt chậm trả lãi trong hạn 4.517.840 đồng.

Ngân hàng Ayêu cầu ông P, bà T phải trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạtlà có căn cứ, toàn bộ yêu cầu này đã được các bên thỏa thuận cụ thể trong Hợp đồng cấp tín dụng ngày 30/3/2019, Khế ước nhận nợ ngày 30/3/2019 và Văn bản thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung ngày 04/4/2017. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về lãi suất hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật, không vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi phạt chậm trả lãi quá hạn từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/9/2021 là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên,cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với số tiền ông P và bà T còn nợ gốc và lãi là 1.232.852.908 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện tiền phạt chậm trả lãi quá hạn 12.818.846 đồng (lãi từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/9/2021) tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A (nguyên đơn) rút yêu cầu khởi kiện, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên HĐXX căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp gồm: Thửa đất số 68,102, diện tích 14139,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952245 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.Thửa đất số 06, diện tích 250,0m^2 tờ bản đồ 57, địa chỉ xã Đ, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 936703 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.Thửa đất số 72, 80, diện tích 33340,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952246 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T. Thửa đất số 144, tờ bản đồ 67, diện tích 17.518m^2 địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BX 927857 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 31/8/2015 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL.BĐCN.466.030417 ngày 04/4/2017 giữa Ngân hàng A và ông P, bà T được ký kết đúng chủ thể, đã được

chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm, mục đích thế chấp để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đúng theo quy định của pháp luật, nội dung không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nên đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định pháp luật. Do đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà ông P, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản đã thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 25/01/2021 và 26/01/2021 do Tòa án nhân dân huyện Cư Jút tiến hành, các tài sản thế chấp gồm thửa đất số 68,102, diện tích 14139,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952245 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T;Thửa đất số 06, diện tích 250,0m^2 tờ bản đồ 57, địa chỉ xã Đ, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 936703 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T;Thửa đất số 72, 80, diện tích 33340,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952246 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T;Thửa đất số 144, tờ bản đồ 67, diện tích 17.518m^2 địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BX 927857 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 31/8/2015 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T thì vị trí và tứ cận tiếp giáp của các thửa đất phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Hiện tại trên đất ông P, bà T đang trồng cây Tiêu, cây Điều, cây gỗ tếch, ngoài ra còn có nhà gỗ, nhà bếp, giếng khoan, mái che, chuồng heo.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 1.232.852.908 đồng là: 800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + phần giá trị tranh chấp vượt quá800.000.000 đồng là 432.852.908 đồng x 3% = 12.986.000 đồng. Tổng cộng án phí là 36.000.000 đồng + 12.986.000 đồng = 48.986.000 đồng.Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phíxem xét thẩm định tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng A đã tạm ứng tiền chi phíxem xét thẩm định tài sản là 11.000.000 đồng, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định và đã chi phí số tiền6.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định theo quy định tại Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, cần buộc ông P, bà T phải trả Ngân hàng A số tiền chi phí tố tụng là 6.000.000đồng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng cho Tòa án. Hoàn trả ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng chi phíxem xét thẩm định tài sản còn lại (*Theo Biên bản giao nhận tiền ngày 30/9/2021 giữa TAND huyện Cư Jút và đại diện Ngân hàng A*).

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; các điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155, Điều 156, khoản 1 Điều 157; Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A);

1. Buộc ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 1.232.852.908 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn chín trăm lẻ tám đồng); trong đó trong đó nợ gốc 970.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 25.846.575 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn 232.488.493 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) và phạt chậm trả lãi trong hạn 4.517.840 đồng (Bốn triệu năm trăm mười bảy nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Tiếp tục áp dụng Hợp đồng tín dụng số DAL.CN.457.300319 giữa Ngân hàng A và ông P, bà T đã ký kết để tính lãi kể từ ngày 01/10/2021 theo mức lãi suất nợ quá hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối vớisố tiền phạt chậm trả lãi quá hạn 12.818.846 đồng (Mười hai triệu tám trăm mười tám nghìn tám trăm bốn mươi sáu đồng) từ ngày 30/03/2020 đến ngày 30/9/2021.

3. Trường hợp ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T không thanh toán tiền cho Ngân hàng thì Ngân hàngcó quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút kê biên, phát mãi các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DAL.BĐCN.466.030417 ngày 04/4/2017, gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: thửa đất số 68,102, diện tích 14.139,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952245 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T;Thửa đất số 06, diện tích 250,0m^2 tờ bản đồ 57, địa chỉ xã Đ, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 936703 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T;Thửa đất số 72, 80, diện tích 33340,0m^2 tờ bản đồ 64, địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BO 952246 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 07/10/2013 mang tên

ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T; Thửa đất số 144, tờ bản đồ 67, diện tích 17.518m^2 địa chỉ xã E, huyện Cư Jút, Đăk Nông, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BX 927857 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 31/8/2015 mang tên ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T.

4. Về án phí: Buộc ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị Tphải nộp 48.986.000 đồng (Bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) số tiền án phí đã nộp 22.067.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003105 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

5. Về chi phí xem xét thẩm định: Buộc ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị Tphảitrả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) số tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng chi phíxem xét thẩm định tài sản còn lại *(Theo Biên bản giao nhận tiền ngày 30/9/2021 giữa TAND huyện Cư Jút và đại diện Ngân hàng A).*

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đoncó mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Cư Jut;
- Chi cục THADS huyện Cư Jut;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NÔNG VĂN BÀO